

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **91/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/3/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Lê Văn Mút.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hồ Thị M, sinh năm: 1991; địa chỉ: số nhà 117/4, ấp T B, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).
- *Bị đơn:* Trần Thanh P, sinh năm: 1990; địa chỉ: số nhà 32/2, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hồ Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/12/2019 và trong quá trình tố tụng tại tòa án – chị Hồ Thị M trình bày:

Chị và anh Trần Thanh P kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, là hôn nhân tự nguyện. Sống chung có sinh được một con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018, con chung hiện đang sống với chị. Tài sản chung, nợ chung không có.

Trong thời gian sống chung do giữa chị và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống chung không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được.

Nên nay về hôn nhân chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh P, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018 chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng theo nội dung bản tự khai – anh Trần Thanh P trình bày:

Anh và chị Hồ Thị M kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Sống chung có sinh được một con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018, con chung hiện đang sống với chị M. Tài sản chung, nợ chung không có. Trong thời gian sống chung, anh thừa nhận giữa anh và chị M có xảy ra mâu thuẫn, buồn vui nên đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay.

Nay chị M có yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con. Nhưng nếu chị M vẫn kiên quyết ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn, anh không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018 anh đồng ý giao cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị M về việc yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh P. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng không đặt vấn đề giải quyết do các bên không có yêu cầu. Về con chung: Chị M được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh P trình bày không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hồ Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thanh P. Bị đơn Trần Thanh P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị Hồ Thị

M và anh Trần Thanh P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị M và anh Trần Thanh P kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, giữa chị M và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Nên nay chị M có yêu cầu ly hôn với anh P, còn anh P thì cho rằng còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, qua xác minh đối với chị Đặng Thanh T là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P về tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh P thì được chị T cho biết chị M là Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã P nên chị có nghe chị M tâm sự là giữa chị M với anh P có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng chị M đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Trong thời gian vợ chồng chị M sống ly thân thì chị có khuyên chị M hòa giải với chồng để về sống chung lo cho con nhưng vợ chồng chị M vẫn không hàn gắn lại được, từ lúc vợ chồng chị M sống ly thân con chung sống với chị M. Nên nay chị M có yêu cầu ly hôn với anh P thì Tòa cứ xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Lẽ đó, có căn cứ cho thấy trong thời gian sống chung giữa chị M và anh P có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị M và anh P đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn lại được, điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay chị M có yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi ly hôn, chị M và anh P không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, anh P cũng có ý kiến là đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị M được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh P trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh P trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị M đối với anh Trần Thanh P. Chị Hồ Thị M được ly hôn với anh Trần Thanh P.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn không đặt vấn đề xem xét giải quyết do chị M và anh P không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị M được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hồ Đăng K, sinh ngày 21/3/2018. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M không có yêu cầu.

Anh Trần Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Trần Thanh P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Hồ Thị M có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh P trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh P trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị M phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009341 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Như vậy án phí chị M đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, VP).

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên